

LUẬN BỒ-TÁT BẢN SINH MAN

QUYỂN 10

Nhân thắng hợp phần, cõi gốc Như như. Thập thiện đốc tu, lìa dòng lưu chuyển. Nhận thức căn bản, hành giải gồm đủ. Tự tánh chân thật, trí tuệ thanh tịnh. Thấu đạt hình tướng, tu tập, giáo hóa. Giải thoát đúng nghĩa, hướng cầu khó đạt. Nơi chốn tịch nhiên, an tĩnh vô biên (giải thoát). Tỳ-kheo căn bản xa lìa trói buộc. Tạo nhân bố thí viên mãn, an định. Trí tuệ tăng trưởng, thấu suốt vô úy. Bố thí thanh tịnh, nhân thắng không giảm. Diệu dụng đạt được (là) phiền não lặng dừng. Thánh nhân tu học (hoàn tất) căn, tùy (phiền não) hăng dứt. Bốn loại (Thánh quả) dòng thác tập khí vẫn còn. Chúng sinh thế gian (bị) vô minh che lấp. Gốc rễ trói buộc (là từ) ý tình buông lung. Tiềm lực tự tại, thiếu hạnh từ, nhân. Dòng thác cuộn cuộn, trói che khó rời. Phước lạc quả báo liên miên như vậy. Biết rõ buộc ấy, hỷ luận là gốc. Chứng đắc giải thoát, mong đạt tịch tĩnh. Thật ấy, (giải thoát) bất thoái, thấu trọn. Thủy, hỏa, phong, tai phát sinh dữ dội. Biết rõ tham, si, sân hận đua theo. Pháp tánh vốn tịch, trong lặng, vô sinh. Tự tánh chuyển biến, tạo (các) pháp hữu vi. Hữu tình thế gian, bốn loài theo nghiệp. Sinh, hiện, mất còn, trước sau chẳng định. Vì diệu sâu xa thuận theo vô tướng. Giới luật trì - phạm chân thật phát sinh. Tánh của Như Lai thường trụ, hăng hữu. Giữ giới thanh tịnh, tự tánh trong lành. Chúng sinh hoạn nạn, tâm Từ thể hiện. Cõi ý phát sinh, an nhiên, thông tỏ. Các pháp giải thoát, có nhân mới đạt. Hạnh bất phóng dật, chư Thiên nên tu. Nhân tạo an lạc (chư Thiên) gốc rễ (là) tam thiện. Cõi tánh hành động điên đảo chẳng sinh. Phép tắc nghiêm minh, tịnh diệu đáng quý. Thông tỏ tận cùng (là) lực dụng rốt ráo. Hình tướng tu thí, phát sinh đầy đủ. Tạo tượng đốc tu, phước duyên vững chắc. Ý trọn tịch tĩnh, thông tỏ, thấu đạt. Tam bảo an trụ, không hề chuyển lay. Lìa pháp điên đảo, rõ gốc thắng nghĩa. Tánh vốn tĩnh trụ, phiền não chẳng sinh. Chấp ngã dây tăng, gốc rễ (của) phiền não. Thánh lực vô biên, năng lìa (mọi) tạo nghiệp. Không tham, sân, si, gốc của ba thiện. Diên đảo, các mạn không thể phát sinh. (Bậc) hữu học tĩnh trụ, hiện hành chẳng dây (các mạn, điên đảo). Lực tự tại ấy (từ) giới đức thanh tịnh. Thấu đạt càng tăng, hòa hợp, khéo trụ. Tịch tĩnh bao la, Tam bảo hội đủ. Chín phẩm trí tuệ, hướng cầu vô tướng. Chư Thiên vui sướng (vẫn) tán tu mong đạt (trí tuệ vô tướng). Năng dứt tham dục, thuyết pháp chân thật. Không tạo nhân hành, chủng tử chẳng sinh, lìa mọi quả báo. Công đức thắng pháp diệu dụng như vậy. Diên đảo, trói buộc thuận nghịch đều dứt. Mong cầu biến khắp nơi chốn cùng tận. Nhân hành đức nghiệp viên mãn như thế. Quả báo hiện bày, hình bóng trăm loại. Xóm làng, nhà ruộng sung túc vô cùng. Giáo pháp thanh tịnh (đem lại) lợi ích an lạc. Chân như, tự tánh, bản lai thường tĩnh. Không thủ, không xả, an tĩnh trong lặng. Ba thừa Thánh nhân đều là bạn lành. Tâm bị trói buộc, thực do vọng tưởng. Cõi tánh thanh tịnh, tự tại hiện bày. Xa lìa (mọi) khuôn khổ (của) dòng thác điên đảo. Hành động tiếp nối, đốc tu chân thật. Tận cùng tột bậc (là) tâm được giải thoát. Thanh tịnh, thâm diệu, dừng lặng, Như như. Bất khả tư nghị, vượt mọi hình tướng. Nghĩa chân thật ấy, cứu cánh (là) vô ngã. Vương giả nhận thức chỉ dạy như vậy. Chánh pháp an trụ, bình đẳng không hai, đạo hạnh viên mãn, tĩnh lặng, không sợ. (Các loài) hữu tình, phi tình, tánh vốn thường tịch. Giải thoát vô sinh, (các pháp) hữu vi gắng bỏ. Ngã mạn, hỷ luận thầy đều chuyển biến. Năng dứt tham dục khắp chốn cùng tận. Đốc tu chân thật nghiêm túc như thế. Bậc Đại trượng phu thù thắng nhiều kiếp (tu). Tạo nghiệp pháp thiện thành tựu vô biên. (Là loại) hữu

tình (có) trí tuệ công năng vô tận.

Thế nào là bậc mẹ hiền nuôi dưỡng chân thật?

Vọng nhiệm nhiều đời (cũng) chuyển thành thanh tịnh. Thâm diệu, chân thật rất ráo như vậy. (Bậc) giác ngộ bất thoái, thắng nghĩa viên mãn. Tỳ-ni giới luật, chúng sinh nên nhận. Phật dạy căn bản: cõi thật viên mãn. Mọi thứ tà kiến mê mờ chẳng sinh. Tự tánh tĩnh trụ, tâm lặng hòa hợp. Thắng nghĩa phát sinh, tà kiến chẳng dậy. Dứt bỏ mây mờ, hướng cầu bình đẳng.

Bồ-tát tu hạnh bố thí, Tôn giả hộ quốc bản sinh nghĩa quảng diễn thứ hai mươi hai cùng hai mươi ba hợp lại.

Chấp ngã, thọ khổ, điên đảo thật sự, thắng nghĩa Như như tác dụng hiện bày. Đó là tùy thuận, thấu đạt nghĩa lợi hạnh Bồ-tát ấy trí tuệ thù thắng.

Tự tánh các loài an tĩnh, ung dung. Hết lòng tôn tượng mong đạt phước báo. An cư tịch tĩnh, tâm mờ dứt sạch. Nơi chốn nghiêm đẹp, bụi bặm đều hết. Hai mươi hai góc (phẩm) thiện pháp Dục (rõ) nghĩa. Thiện ác hiện rõ như bóng theo hình. Đó là nghĩa đạt được, chứ không phải nghĩa không đạt được.

Xứ sở của vua thịnh vượng, an ổn. Dứt bỏ, diệt các nhiễm ác thâm căn. Giáo hóa muôn loài gồm đủ hình tướng. Thật ấy khó đạt. Phép tắc nghiêm minh. Phiền não dấy lên, rõ nghĩa dòng thác. Hình bóng tạo nghiệp, quả báo gồm đủ. Tự tánh thông tỏ, oán đối nào còn. Xa lìa điên đảo hiện hành rộng khắp. Lực dụng bố thí khế hợp nơi chốn. Nhớ nghĩ lời Phật, tôn kính vô cùng. Tướng trí tuệ ấy (Phật) đạt đến vô tận. Đại thừa bình đẳng, hóa độ là chính. Tham ái trói buộc cả hạnh từ bi. Lực dụng tự tại chuyển đổi tất cả. Giới đức thanh tịnh, phép tắc theo đúng. Thân tâm thượng diệu trong sáng như ngọc. Hình tướng phù hợp, sự nghiệp thù thắng. Bồ-tát khế hợp, động tĩnh khá nương. Là cõi bình đẳng, bỉ ngã là một. Lực dụng phát sinh, quả báo thành tựu. (Như) mẹ hiền yêu quý, khắp chốn thuận theo. Điên đảo, các mạn tràn đầy khắp loài. Hiện hành buộc thể năng sinh hý luận. Thọ mạng chung cuộc trong ngoài đều khắp. Là chốn trọng phụ xa lìa hý luận, Cứu cánh (của) chúng sinh gắn liền trói buộc. Dòng thác phiền não lôi cuốn chẳng sinh. Tấn tu Phật đạo, phước đức bền vững. (Các loài) ngã mạn, chấp trước điên đảo, khắp chốn. Thanh tịnh thắng nghĩa phát sinh, trừ dứt. Chân thường hợp nhất, thấu đạt không ngừng. Lìa bỏ che buộc, cõi ý thanh tịnh. Dứt sạch hoạn nạn, vọng tưởng, phi báng. Thù thắng tịnh diệu, bỉ ngã dung thông. Mười loại phiền não căn bản chẳng dậy. Trói buộc, biến khắp (phiền não) chế ngự, quyết dứt.

Thế nào là tâm si hủy diệt thể lực?

Nhận lấy ác báo uy lực tự hết. Phân biệt chấp ngã, chứng (quả) Thánh mới trừ. Các mạn nhờ có chánh kiến loại bỏ. Si độn, hý luận không nhân dấy khởi. Phát huy Thập thiện thế gian tùy thuận. Giới mốc (của) mạng ấy làm tăng chấp trước. Vọng tưởng phân biệt, quyết định chịu quả. Rừng cây phá chặt, như (cõi) không vô biên. Nhận quả thích hợp, yêu thích phần lợi. Thân mang ngã mạn, gốc càng nặng thêm. Thân quả phù hợp cũng như hình bóng. Tịch nhiên vô ngại, như (cõi) không bao la. Tham ái phát sinh, quả báo trong nhân. Pháp lành không tu, làm sao chứng quả? Tịch tĩnh như (cõi) không, bao la khắp chốn. Nhân thiện sinh khởi, quả báo thuận theo. Tự tánh thanh tịnh, điên đảo dừng lặng. Hình, tiếng, thiện xảo tạo dựng Phật sự. Thọ mạng đúng phần, khó mà lẫn tránh. Giáo hóa tự tha thâm diệu, lớn lao. Ngã chấp tăng mạnh, bình đẳng khó đạt. Hướng cầu thắng nghĩa viên mãn như vậy. Đức hạnh hữu tình (là) vui hòa khéo tu. Thanh tịnh, trong lặng, sâu xa gắng đạt.

Thế nào là tâm pháp, chân như là tánh?

An trụ, bình đẳng đứng phần khắp chốn. Thắng nghĩa viên mãn, dứt mọi tạo nghiệp. Mười loại đường nghiệp đều do tâm khởi. Góc rẽ mờ tối, che thể (là) do si. Tướng hợp, ngăn che, vương, sở (tâm) đều có. Ngã mạn phân chia đến bảy – chín loại. Dòng thác căn tùy (phiền não), Như Lai hằng dứt. Bồ thí văn nghĩa (pháp thí), đó là Đại thừa. Phật, Pháp, Tăng bảo rớt ráo an định. Thiện ác hai tướng, đối xứng (hình) lập nên. Thông tỏ đứng phần dài lâu khó đạt. Nhân (đề) đạt cõi trời do nhờ sức thiện. Nơi chốn an trụ, giữ gìn cẩn mật. Hóa độ tận chúng cùng theo tam thừa. Nhận rõ bạn lành, tăng thêm thắng lực. Chấp ngã dứt trừ, hòa hợp một loại. Thắng nghĩa hiện rõ, trói buộc chẳng sinh. Hành, giải gồm đủ, gánh vác Thánh lực. Tánh của Như Lai tức chánh biến tri. Thân tướng tịnh diệu, tâm lặng an trụ. Trí tuệ viên mãn, giác ngộ, an nhiên. Thắng nghĩa Niết-bàn (là) bị ngã đều dứt. Trí lực hợp nhất, si độn (đều) không còn. Trí tuệ thâm diệu, xua sạch vô minh. (Bậc) Đại trượng phu ấy đạt chân thắng nghĩa. Hướng đạt vô tướng, tự tại chỉ tịch. Tu hạnh bồ thí, đầy đủ, viên mãn. Nhân hóa độ ấy lìa bỏ trói buộc. Là cõi bình đẳng, diệu dụng thành tựu. Điền đảo rộng khắp, tạo nhân chẳng sinh. Tùy thuận cung kính, hạnh tu trọn đủ. Thắng nghĩa thượng diệu, phát huy như thể. (Như) Rừng che cỏ tốt, nghiệp dữ xa lìa. Đạt tướng trí tuệ tỏ ngộ thâm diệu. Nhân thắng phát khởi tự tại vô biên. Nhân Thập thiện hiện hành khắp thế gian. Ý (bậc) Đại trượng phu viên mãn, khế hợp. Tạo nhân chín địa, tu tập thuận hợp. Hành điền đảo ấy thay nên dứt trừ. (Cùng với) Ngã mạn si độn (che) thể tánh chân thật. Sắc tướng tịnh diệu phát sinh trọn đủ. Tham dục trùm khắp, sức dấy vô tận. Không (tạo) nhân dứt trừ, sinh tử mãi buộc. Buông theo phiền não mất chí trượng phu. Không tin lời Phật, đứng (là) hạng phàm phu. Mong đạt đứng phần (thật ra chỉ là) điền đảo cùng tận. Nghiệp ác dấy tạo, trói buộc trôi lăn. Nhân tánh thanh tịnh, dứt trừ, lìa bỏ (nghiệp ác), là chốn trượng phu dốc tu thắng nghiệp. Khắp mọi nơi chốn an tĩnh, yên định. Bao lớp nhiễm, buộc (bị) trừ diệt chẳng sinh. Chúng sinh cõi người tạo phước thù thắng, Thực hiện là chính. Chế độ trị nước là điều tối thượng. Sắc tướng nghiêm đẹp, kỳ vĩ, khó sánh. Nơi chốn thanh tịnh, an tĩnh, yên định. Tự tánh trong lặng, tên gọi thêm rõ. Chướng ngại to lớn (của) chúng sinh không còn. Thắng nghĩa phát khởi, thương dẫn muôn loài. Thực hiện bất thoái, Phật lực hộ trì. Vững tu tận cùng, rõ nghĩa thường trụ. Oán kết cùng gặp, gắng sức tùy thuận. Dứt bỏ tham dục, hướng cầu Thánh nhân. Là cõi Bồ-tát bị nguyện nên gắn (bó). Thể bị mạn dấy, khó mà chế ngự. Chín phẩm, khắp cõi vượt chấp (về) lý, sự. Tự tánh nhận ra điền đảo vô tận. Vô minh, si che, tịch tĩnh khó sinh. Trói cuộn kiếp tầm để đầu lìa bỏ. Tạo tác chân thật, dốc tu từ gốc. Tất cả (các) hành tướng (đều) mong đạt thọ mạng. Bậc Đại trượng phu giáo hóa chúng sinh. Nương ở tự tánh Như như bình đẳng. Thân tâm (là) chỗ nương căn bản (của) thức tánh. Phát sinh thắng nghĩa là tánh tối thượng. Hóa độ thích hợp (là) việc làm (của bậc) trượng phu. Nơi chốn tịch tĩnh, lìa mọi tham dục. Mười phương thanh tịnh, quả Giác viên thành. Vọng động bao đời, phân ra sở - năng. Nhân thắng như vậy (do) nhiều kiếp tu tập. Diệu dụng thanh trí, nhân quả có khác. Hành động thù thắng (là) cứu khổ ban vui. Dẫn dạy muôn loài kính tin Tam bảo. Si, mạn như thế, chấp ngã là gốc. Đủ sức thực hiện (mọi) hình tướng (chấp ngã) dứt tuyệt. Tự thể mong đạt chuyển biến như vậy. Di thể các loài lưu chuyển (nhưng) chẳng mất. Đứng phần cùng tận, sạch như đều có. Nhân của thiện tịnh hàm chứa nghĩa lợi. Chân thật hướng cầu, thấu đạt phép tắc. Tự tại, an nhiên không còn điền đảo. Là cõi ngã mạn theo hướng tăng dấy. Hý luận câu kết chẳng lúc nào dừng. Nhân thắng (của) chúng sinh không thể lìa bỏ. Tạo tác nghĩa lợi (là) nhân của pháp thí. Muôn loài khổ não, hủy hoại thân phần. (Tạo ra) điền đảo tận cùng, khó mà xa lìa. Hạnh thí viên mãn, bao la, vô

tướng. Giới đức thanh tịnh, rõ nẻo phạm trì. Tận cùng dứt ác (là) phiền não năng lia. Là cõi Bồ-tát tự tánh thanh tịnh. Hạnh ấy hiện bày, siêng tu thắng nghĩa, giáo hóa muôn loài, thật hạnh trọng phu. Phương tiện bố thí, dốc tu thiện tịnh. Chư Phật hộ niệm nhân lành đều trọn. Pháp tượng tôn thờ, khế hợp là vậy. Khắp nơi an tĩnh, bình đẳng như (cõi) không. Năng dứt tham dục, làm nhân phạm hạnh. Tự tu hạnh thí, nhân duyên rất ráo. Trói buộc vô tận là nghĩa (của) dòng thác. Hình tướng biến chuyển, mắt luôn nhớ, ghi. Dứt mọi ác kiến, thắng nghĩa viên mãn. Ngọn nguồn chân thật, tự đạt nơi mình. Ân mẹ lớn lao là nghĩa vô cùng. Tà kiến chẳng sinh, thấy đều chân thật. Căn bản giới luật (là) bày rõ mẫu mực. Cõi tĩnh an lạc, vắng bật tham dục. Chúng sinh khắp cõi mong dứt hý luận. Khéo dứt phiền não, đứng bậc Trọng phu. Là (bậc) đại hữu tình, lực dụng đích thật. Hình tướng bình đẳng khiến tâm an trụ.

Tịch tĩnh là gốc, vọng tưởng chẳng mong, tự tại hiện rõ, đó là an nhiên. Hình, bóng gốc, ngọn, nghĩa lợi như thế. Hý luận dứt sạch, chân thật hiển hiện.

Thế nào là gốc của mọi điên đảo?

Tu hạnh cầu niêm (dẫn tới) ngã chấp vô biên. Bản tánh Như như làm thế nào (dứt) sợ? Thân phần ốm đói, bố thí năng lia. Đạt nơi chốn ấy (bản tánh Như như) vững tu là chính. Hành động biến khắp, gánh vác vô tận. Vi diệu sâu xa rõ nét vô tướng. Vật dụng trọn nên tự tại gồm đủ. Xứ sở tươi đẹp, thanh tịnh trên hết. Nghiêm đẹp, tịnh diệu cho đến khắp nơi. Giáo pháp thanh tịnh, khéo hiện, tĩnh lặng. Tu nhân phạm hạnh, dung mạo hiện rõ. Như sư tử vương uy nghi vượt bậc. Dung mạo đẹp đẽ, tươi sáng, oai nghiêm. Tâm gốc trong lặng, an nhiên, an tịnh. Gốc rễ si ám (là do) thiếu nhân tuệ giải. Các pháp điên đảo (khiến) chánh trí chẳng sinh. Hành, giải gồm đủ, tâm bi lia bỏ (điên đảo). Trói buộc (từ) vô thí, (nên) tham đắm sắc thân. Giới luật tịnh diệu dứt trừ điên đảo. Tạo nhân thù thắng dốc tu tối thượng. Thễ vô biểu sắc, trì, phạm (gọi) là giới. Hữu tình tham ái bùng dậy nơi thân. (Trôi theo) dòng thác kiêu phóng cuồng dật lờ lờ. Tạo nghiệp điên đảo (phải có) phép tắc (giới luật) dùng dứt. Nơi chốn thanh tịnh, hành động chân thật. Tướng bình đẳng ấy căn bản an trụ. Mong được thấu đạt vô-hữu đứng phần. Đất nước khắp cõi tịch tĩnh an nhiên. Giữ giới trong lành (như) rừng che cỏ tốt. Giới đức không thiếu, hợp nhất thanh tịnh. Thắng nghĩa phép tắc trọn đủ.

Thế nào là nhân hành của mười pháp thiện?

Sắc tướng tăng trưởng tận cùng như vậy. Dung mạo thù thắng, tự tại vô tận. Tươi sáng, oai đẹp, hành giải viên mãn. Bố thí đầy đủ thân tâm thuận hợp. Phiền não chẳng sinh, tươi trong (như) ngọc quý. Mong đạt lực dụng, thực hiện trọn đủ. Là cõi bao la (của) thể tánh tự tại. Công đức bố thí (đem lại) tịch tĩnh nghiêm túc. Tự tánh (đạt) trí tuệ, dứt mọi khổ não. Tự tánh tư duy, ba nghiệp thuần thực. Tạo nhân thù thắng, mọi vọng tưởng dứt. Si độn, ngã mạn tạo nghiệp hý luận. Hành động thượng dẫn, mong đạt viên mãn. Phần nộ tận cùng, chỉ dạy dứt bỏ. Sở nguyện trọng phu bình đẳng không lệch. Thuận theo nương giữ tận cùng nơi bậc thầy truyền dạy. Dứt bỏ hý luận, hành giải mong đạt. Tánh bậc Hiền thánh, nghĩa (là) dứt luân lưu.

Thế nào là cung kính biết trọn, tự tại thể hiện như vậy?

Tự tánh thanh tịnh cứu giúp bình đẳng. Cõi gốc nổi bật (của) hai loại trọng chướng. (Cùng với) Dòng thác phiền não, nghiệp dữ hằng đoạn. Kim cang, vô gián (là sự) tạp nhiễm tận cùng. (Các pháp) hữu lậu đều được tự tánh hóa độ. Gốc của tam thừa, trí tuệ quyết đạt. Cầu niêm theo ác (là) thế gian phàm phu. (Nhưng từ trong) điên đảo cầu uest, lực dụng phát sinh. Diệt trừ trói buộc, cành lá tươi tốt. Gốc rễ vững chắc dùng đầy (làm) thí dụ.

